

Số: 599 /BVHTTDL-ĐT  
V/v báo cáo đội ngũ trí thức ngành Văn hóa,  
Thể thao và Du lịch giai đoạn 2020 đến nay

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Kính gửi:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Sở Văn hóa và Thể thao;
- Sở Du lịch.

Căn cứ Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 09/7/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Hợp phần Chiến lược phát triển đội ngũ trí thức ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và Đề án phát triển đội ngũ trí thức ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Để đảm bảo tiến độ và hiệu quả trong việc xây dựng Hợp phần Chiến lược và Đề án, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao/Sở Du lịch các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo thực trạng đội ngũ trí thức ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn từ năm 2020 đến nay và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp phát triển đội ngũ trí thức của ngành đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Đề cương báo cáo gửi kèm).

Đề cương Báo cáo, các biểu mẫu báo cáo tải tại địa chỉ: <https://daotao-vhttdl.vn> và cung cấp số liệu theo mẫu tại địa chỉ <https://forms.gle/D9nbiLVMXAuhyz4H6>.

Báo cáo của đơn vị gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Vụ Đào tạo) 51 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội trước ngày 28/2/2025; bản mềm gửi vào hộp thư điện tử: [dungtran.vdt@gmail.com](mailto:dungtran.vdt@gmail.com) hoặc [dungtn.vdt@bvhttdl.gov.vn](mailto:dungtn.vdt@bvhttdl.gov.vn). Chi tiết liên hệ ông Trần Ngọc Dũng, điện thoại: 0984561317 hoặc bà Đỗ Thị Kim Thương, điện thoại: 0912019232./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Tạ Quang Đông;
- Lưu: VT, ĐT, KT (65).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



Tạ Quang Đông

## ***Đề cương***

### **BÁO CÁO**

#### **THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2020 ĐẾN NAY VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC CÁC TỈNH/THÀNH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

---

#### **I. THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC (ĐNTT) NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (VHTTDL) CÁC TỈNH/THÀNH GIAI ĐOẠN 2020 ĐẾN NAY**

##### **1. Nhân lực và đội ngũ trí thức ngành VHTTDL**

*a) Nhân lực ngành VHTTDL (cụ thể đối với từng lĩnh vực Văn hóa, nghệ thuật; Thể dục thể thao; Du lịch)*

- Về số lượng
- Về chất lượng
- + Trình độ đào tạo (Phân theo trình độ đào tạo: Sơ cấp; trung cấp; cao đẳng; đại học; thạc sĩ; tiến sĩ; sau tiến sĩ)
- + Năng lực ngoại ngữ
- + Trình độ tin học
- + Kỹ năng khác
- Về cơ cấu
- + Giới tính (nam, nữ) và độ tuổi (<30 tuổi, 31-45 tuổi, 46-60 tuổi, >60 tuổi)
- + Lĩnh vực hoạt động (quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp; doanh nghiệp...)
- Dân tộc

*b) Đội ngũ trí thức ngành VHTTDL (cụ thể từng lĩnh vực Văn hóa, nghệ thuật; Thể dục thể thao; Du lịch)*

- Về số lượng
- Về chất lượng
- + Trình độ đào tạo (Phân theo trình độ đào tạo: đại học; thạc sĩ; tiến sĩ; sau tiến sĩ)
- + Năng lực ngoại ngữ
- + Trình độ tin học
- + Kỹ năng khác
- Về cơ cấu
- + Giới tính (nam, nữ) và độ tuổi (<30 tuổi, 31-45 tuổi, 46-60 tuổi, >60 tuổi)
- + Lĩnh vực hoạt động (quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp; doanh nghiệp...)
- Dân tộc

## **2. Chế độ chính sách và việc thực thi chính sách của Trung ương và địa phương đối với đội ngũ trí thức ngành VH TTDL giai đoạn 2020 đến nay**

a) Hệ thống các văn bản pháp luật, chính sách đối với ĐNTT nói chung và từng lĩnh vực (VHNT, TDTT, DL) nói riêng đã ban hành. Đánh giá ưu điểm, hạn chế, khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai các văn bản, chính sách nói trên.

b) Đánh giá chính sách đào tạo, bồi dưỡng ĐNTT (trong nước, nước ngoài theo Kế hoạch và kết quả thực hiện)

c) Đánh giá chính sách sử dụng/bố trí ĐNTT (Kế hoạch và kết quả thực hiện)

## **3. Cơ chế sử dụng, đãi ngộ đội ngũ trí thức ngành VH TTDL của Trung ương và địa phương giai đoạn 2020 đến nay**

a) Cơ chế đãi ngộ tài chính (lương, thưởng, điều kiện làm việc, điều kiện sinh hoạt...)

b) Cơ chế đãi ngộ phi tài chính (Quy hoạch, bổ nhiệm, chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm, định mức lao động, chế độ việc làm, thăng hạng...)

c) Môi trường làm việc: Điều kiện làm việc (văn phòng, cơ sở vật chất, máy móc trang thiết bị làm việc, ...); Tính cạnh tranh, phối hợp/hợp tác...

## **4. Đóng góp của đội ngũ trí thức ngành VH TTDL địa phương giai đoạn 2020 đến nay**

a) Đóng góp trong lĩnh vực xây dựng chính sách: báo cáo chính sách, soạn thảo luật/ng nghị định/thông tư/chiến lược...

b) Đóng góp trong lĩnh vực giảng dạy: giáo trình, sách chuyên khảo, số lượng giảng viên đại học và sau đại học...

c) Đóng góp trong lĩnh vực nghiên cứu: số lượng công trình nghiên cứu, sách, bài tạp chí, báo cáo khoa học, bằng phát minh, sáng chế; dàn dựng các chương trình, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật...

## **5. Đánh giá đội ngũ trí thức ngành VH TTDL địa phương giai đoạn 2020 đến nay**

### *a) Về ưu điểm*

- Kết quả đạt được trong thực hiện các nghị quyết, văn bản pháp quy liên quan đến đội ngũ trí thức và xây dựng đội ngũ trí thức.

- Kết quả đạt được trong thực hiện các cơ chế hoàn thiện môi trường và điều kiện hoạt động cho đội ngũ trí thức.

### *b) Hạn chế*

- Giáo dục tư tưởng, đạo đức và lối sống

- Chính sách đối với đội ngũ trí thức: Cơ chế trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh trí thức; chính sách đào tạo, bồi dưỡng trí thức; đóng góp của đội ngũ trí thức

- Sự phối hợp giữa các Bộ, ngành và địa phương về phát triển đội ngũ trí thức

- Những nội dung liên quan khác.

*c) Nguyên nhân*

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan.

**II. DỰ BÁO NHU CẦU VÀ MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC NGÀNH VHTTDL ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

**1. Dự báo nhu cầu**

*a) Về số lượng*

*b) Về chất lượng*

- Trình độ đào tạo (Phân theo trình độ đào tạo: đại học; thạc sĩ; tiến sĩ; sau tiến sĩ)

- Năng lực ngoại ngữ

- Trình độ tin học

- Kỹ năng khác

*b) Về cơ cấu*

- Giới tính (nam, nữ) và độ tuổi (<30 tuổi, 31-45 tuổi, 46-60 tuổi, >60 tuổi)

- Lĩnh vực hoạt động (quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp; khối doanh nghiệp...)

*c) Dân tộc*

*d) Theo cơ cấu nhóm ưu tiên phù hợp với bối cảnh trong nước và quốc tế*

*e) Nhu cầu phát triển tự thân của đội ngũ trí thức hiện nay*

**2. Mục tiêu chung**

**3. Mục tiêu cụ thể**

**III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC NGÀNH VHTTDL ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

**1. Nhiệm vụ** (*Đề xuất cụ thể đối với từng lĩnh vực: Văn hoá, nghệ thuật; Thể dục thể thao; Du lịch*)

**2. Giải pháp** (*Đề xuất cụ thể đối với từng lĩnh vực: Văn hoá, nghệ thuật; Thể dục thể thao; Du lịch*)

**IV. DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

*1. Nguồn ngân sách Nhà nước cấp*

*2. Các nguồn tài trợ hợp pháp khác*

**V. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ**

# **PHỤ LỤC**

## **Phụ lục 1. Một số khái niệm về đội ngũ trí thức**

---

### **1. Đội ngũ trí thức**

Đội ngũ trí thức được cụ thể hóa tại Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Khóa XIII, cụ thể: “Đội ngũ trí thức là lực lượng lao động trí óc, có trình độ học vấn cao, chuyên môn sâu về một lĩnh vực, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo; giàu lòng yêu nước, có đạo đức và lý tưởng cách mạng, gắn bó với Đảng, Nhà nước và dân tộc; là lực lượng có vai trò quan trọng trong liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng; có trách nhiệm tiên phong, tạo ra sản phẩm tinh thần, vật chất chất lượng cao cho xã hội, là nguồn lực đặc biệt trong phát triển kinh tế tri thức, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; là nhân tố quan trọng trong nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, nâng tầm trí tuệ và sức mạnh dân tộc, đóng góp to lớn cho sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ”<sup>1</sup>.

### **2. Khái niệm đội ngũ trí thức**

Theo Từ điển xã hội học (1998) thuật ngữ Đội ngũ trí thức “Intelligentsia” áp dụng một cách nói lỏng vào bất kỳ tầng lớp giáo dục nào của xã hội - thông thường bao gồm những người trí thức và các nhà quản lý được quan tâm về nhiều hơn về ý tưởng<sup>2</sup>.

Đội ngũ trí thức ở Việt Nam là nhóm những người lao động trí óc trong các ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo, giáo dục-đào tạo, văn hóa nghệ thuật, kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, y tế... trong các lĩnh vực khác.

Đội ngũ trí thức ở Việt Nam có thể hiểu là những nhà trí thức và quản lý có trình độ và được chuyên môn hóa làm việc trong các cấp, các ngành, lĩnh vực.

- Tiêu chí xác định đội ngũ trí thức:

+ Điều kiện cần: Người có bằng đại học trở lên.

+ Điều kiện đủ: Người lao động trí óc (có các sản phẩm nghiên cứu/sáng tạo/giảng dạy...) trong các ngành, lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, giáo dục-đào tạo,... ở các cấp, các ngành thuộc các lĩnh vực.

---

<sup>1</sup>Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XIII.

<sup>2</sup>Gordon marshall (1998), Intelligentsia, A Dictionary of Sociology. Oxford New York, pp 321.



TT	Trình độ/Lĩnh vực hoạt động	THỜI GIAN									Tầm nhìn đến năm 2045			Ghi chú
		Giai đoạn từ năm 2020 - 2024			Dự kiến trong năm 2025			Mục tiêu đến năm 2030			VHNT	TDTT	DL	
		VHNT	TDTT	DL	VHNT	TDTT	DL	VHNT	TDTT	DL				
1	Khối quản lý nhà nước													
2	Khối doanh nghiệp, nhà hát, đơn vị nghệ thuật													
3	Khối đoàn thể													
4	Khác.....													
<b>VI</b>	<b>Phân theo ngạch bậc</b>													
1	CV/NCV/giảng viên cao cấp và tương đương													
2	CV/NCV/giảng viên chính và tương đương													
3	CV/NCV/giảng viên và tương đương													
4	Khác (nhóm còn lại)													

**Ghi chú:**

- CV: Chuyên viên;
- NCV: Nghiên cứu viên
- VHNT: Văn hóa nghệ thuật
- TDTT: Thể dục thể thao
- DL: Du lịch





TT	Trình độ/Lĩnh vực hoạt động	THỜI GIAN									Tầm nhìn đến năm 2045			Ghi chú
		Giai đoạn từ năm 2020 - 2024			Dự kiến trong năm 2025			Mục tiêu đến năm 2030			VHNT	TDTT	DL	
		VHNT	TDTT	DL	VHNT	TDTT	DL	VHNT	TDTT	DL				
4	>60 tuổi													
<b>V</b>	<b>Phân theo lĩnh vực hoạt động</b>													
1	Khôi quản lý nhà nước													
2	Khôi doanh nghiệp, nhà hát, đơn vị nghệ thuật													
3	Khôi đoàn thể													
4	Khác.....													
<b>VI</b>	<b>Phân theo ngạch bậc</b>													
1	CV/NCV/giảng viên cao cấp và tương đương													
2	CV/NCV/giảng viên chính và tương đương													
3	CV/NCV/giảng viên và tương đương													
4	Khác (nhóm còn lại)													

**Ghi chú:**

- Đội ngũ trí thức ngành VHTTDL là một bộ phận của nhân lực ngành VHTTDL
- CV: Chuyên viên;
- NCV: Nghiên cứu viên
- VHNT: Văn hóa nghệ thuật
- TDTT: Thể dục thể thao
- DL: Du lịch





**Phụ lục 5. Đánh giá về các chính sách phát triển đội ngũ trí thức ngành VH TTDL của Trung ương và địa phương**  
*(Theo từng lĩnh vực cụ thể: Văn hóa, nghệ thuật; Thể dục thể thao; Du lịch)*

TT	Chính sách	Mức độ đánh giá			Lựa chọn (Mức độ 1 hoặc 2 hoặc 3)	Đánh giá lý do/Nguyên nhân (việc chọn mức độ đánh giá)
		1	2	3		
1	Chính sách thu hút/tuyển dụng người tài	Tốt	Bình thường	Chưa tốt		
2	Cơ chế trả lương cho đội ngũ trí thức so với mặt bằng chung của xã hội	Cao	Trung bình	Thấp		
3	Cơ chế phụ cấp/thưởng cho cán bộ trí thức so với mặt bằng chung của xã hội	Cao	Trung bình	Thấp		
4	Điều kiện làm việc của đội ngũ trí thức (trang thiết bị, văn phòng)	Tốt	Bình thường	Kém		
5	Chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức	Phù hợp	Tương đối phù hợp	Không phù hợp		
6	Môi trường làm việc đối với đội ngũ trí thức	Tốt	Bình thường	Chưa tốt		
7	Đóng góp của đội ngũ trí thức so với chính sách đãi ngộ	Tốt	Bình thường	Chưa tốt		
8	Phối hợp giữa các Sở, ban, ngành trong triển khai thực hiện chính sách	Tốt	Bình thường	Kém		
9	Tính thực tế của các chính sách phát triển đội ngũ trí thức	Phù hợp thực tế	Khá phù hợp	Xa rời thực tế		

10	Hiệu quả của các chính sách phát triển đội ngũ trí thức	Cao	Trung bình	Thấp		
11	Những nội dung, chính sách khác (ghi rõ nội dung hoặc chính sách)	Phù hợp	Tương đối phù hợp	Không phù hợp		